

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TNH24B1
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Tiếng anh chuyên ngành(5)	Nghề vụ bar(6)	Điểm TB	Xếp loại
01	2458102060784	Nguyễn Quỳnh	Anh	22/10/2009	8.4	6.4	6.0	7.7	6.9	Trung bình
02	2458102060785	Trần Thị Phương	Anh	17/10/2009	7.0	6.9	5.5	6.6	6.1	Trung bình
03	2458102060786	Huỳnh Thị Ngọc	Ánh	20/10/2009	9.3	6.5	8.4	7.7	8.0	Giỏi
04	2458102060787	Lê Thị Kim	Cương	05/03/2009	9.3	8.2	8.4	7.3	7.8	Khá
05	2458102060790	Phan Tấn	Hoàng	30/07/2009	8.6	9.8	7.9	6.9	7.4	Khá
06	2458102060791	Đặng Thanh	Huy	19/01/2009	8.3	5.9	8.1	6.7	7.3	Khá
07	2458102060792	Trần Trung	Hữu	01/07/2009	7.5	9.4	6.6	5.8	6.2	Trung bình
08	2458102060793	Trần Võ Minh	Khang	20/12/2009	7.9	9.0	5.7	7.9	6.9	Trung bình
09	2458102060794	Nguy Huỳnh Ngân	Khánh	19/05/2009	7.3	6.2	5.3	6.9	6.2	Trung bình
10	2458102060796	Trình Huỳnh Tuyết	Khương	18/11/2009	0.0	0.0	0.5	0.0	0.2	Yếu
11	2458102060797	Nguyễn Trung	Kiên	13/08/2009	8.1	7.8	6.1	7.5	6.9	Trung bình
12	2458102060799	Nguyễn Thị Ngọc	Mộng	04/03/2009	9.4	9.9	7.2	7.4	7.3	Khá
13	2458102060800	Nguyễn Thị Yến	Nhi	21/02/2009	8.1	7.5	6.2	7.4	6.9	Trung bình
14	2458102060801	Nguyễn Ngọc	Nhung	23/08/2009	8.9	7.3	6.2	7.9	7.1	Khá
15	2458102060802	Dương Thị Ngọc	Như	05/09/2009	8.5	7.7	7.8	7.8	7.8	Khá
16	2458102060803	Đoàn Huỳnh	Như	04/05/2009	8.7	7.4	6.8	7.3	7.1	Khá
17	2458102060805	Nguyễn Duy	Phương	24/12/2009	9.9	8.2	7.0	7.2	7.1	Khá
18	2458102060806	Nguyễn Hà Kim	Phượng	25/05/2009	9.5	8.5	6.0	6.9	6.5	Trung bình
19	2458102060808	Tăng Nguyễn Hoài	Thắng	26/12/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
20	2458102060809	Đặng Huỳnh Thanh	Thư	29/05/2009	7.5	5.5	7.2	7.1	7.1	Khá
21	2458102060811	Phạm Nguyễn Mỹ	Tiên	11/08/2009	8.9	8.6	7.3	7.8	7.6	Khá
22	2458102060812	Đặng Thùy	Trâm	25/08/2009	8.0	6.7	5.8	7.4	6.7	Trung bình

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Tiếng anh chuyên ngành(5)	Nghệ vụ bar(6)	Điểm TB	Xếp loại
23	2458102060813	Lý Trân	Trân	30/08/2009	8.3	7.8	5.9	7.9	7.0	Khá
24	2458102060814	Nguyễn Lê Huyền	Trân	11/11/2009	8.2	6.1	5.9	6.8	6.4	Trung bình
25	2458102060815	Trần Thị Bảo	Trân	03/04/2009	8.9	7.8	6.5	7.4	7.0	Khá
26	2458102060816	Âu Lê Quốc	Tuân	10/01/2009	7.1	6.8	5.8	5.3	5.5	Trung bình
27	2458102060817	Lê Văn	Việt	18/10/2009	8.4	8.1	5.8	6.0	5.9	Trung bình
28	2458102060818	Huỳnh Khánh	Vy	28/04/2009	8.3	6.1	7.4	6.7	7.0	Khá
29	2458102060819	Nguyễn Ngọc Như	Ý	03/01/2009	8.8	9.4	7.0	7.1	7.1	Khá
30	2458102060820	Nguyễn Thị Kim	Yến	19/07/2009	8.0	5.3	7.5	6.9	7.2	Khá

Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** và **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 26 tháng 06 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái